

**Biểu mẫu 6**  
**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	<b>%</b>	<b>0%</b>	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng		
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	6	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	1	Phòng Công chứng số 1 An Giang
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	3	Phòng Công chứng số 1 Kiên Giang; Phòng Công chứng số 2 An Giang; TT Dịch vụ Đấu giá tài sản
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	2	TTTGPL số 1 TTTGPL số 2
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		